CÔNG TY TNHH CAO SU INOUE VIỆT NAM
INOUE RUBBER VIETNAM CO., LTD

IRC TIRE
LỐP XE MÁY HÀNG ĐẦU NHẬT BẢN

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM SĂM LỐP ÁP DỤNG CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG

PRODUCT PRICE LIST OF TIRE AND TUBE FOR END-USER

Áp dụng từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới

ĐVT/ Unit: VND

TT *NO.*	MÃ SẢN PHẨM *CODE*	TÊN SẢN PHẨM *PRODUCTS*		GIÁ ĐẾN NTD (Đề xuất)
I- LỐP XE MÁY KHÔNG SĂM (MOTORCYCLE TUBELESS TIRE)				
1	TYTL-M1036-REP11	90/100-10 53J MB48/TL	Lốp trước Spacy	**520,000**
2	TYTL-M1035-REP11	90/100-10 53J MB47/TL	Lốp sau Spacy	**520,000**
3	TYTL-M1092-REP11	90/90-12 44J MB48/TL	Lốp trước LEAD; SCR	**400,000**
4	TYTL-M1093-REP11	100/90-10 56J MB48/TL	Lốp sau LEAD; SCR; T/S Atila	**435,000**
5	TYTL-M1180-REP11	90/90-12 44J SCT009/TL	Lốp trước LEAD; SCR	**390,000**
6	TYTL-M1181-REP11	100/90-10 56J SCT009/TL	Lốp sau LEAD; SCR; T/S Atila	**420,000**
7	TYTL-M1049-REP11	70/90-16 M/C 36P NF59/TL	Lốp trước Nouvo	**395,000**
8	TYTL-M1050-REP11	80/90-16 M/C 48P NR76/TL	Lốp sau Nouvo	**475,000**
9	TYTL-M1056-REP11	70/90-17 M/C 38P NR82/TL	Lốp trước Exciter	**490,000**
10	TYTL-M1077-REP11	80/90-17 M/C 44P NR82R/TL	Lốp sau Exciter	**530,000**
11	TYTL-M1057-REP11	100/70-17 M/C 49P NR82/TL	Lốp sau Exciter	**660,000**
12	TYTL-M1058-REP11	80/90-14 M/C 40P NF66/TL	Lốp trước Air Blade, Vision	**405,000**
13	TYTL-M1059-REP11	90/90-14 M/C 46P NR83/TL	Lốp sau Air Blade, Vision	**460,000**
14	TYTL-M1177-REP11	80/90-14 M/C 40P SCT-009/TL	Lốp trước Air Blade, Vision	**380,000**
15	TYTL-M1178-REP11	90/90-14 M/C 46P SCT-009/TL	Lốp sau Air Blade, Vision	**425,000**
16	TYTL-M1191-REP11	80/90-14 M/C 46P SCT-011/TL	Lốp trước Air Blade, Vision	**405,000**
17	TYTL-M1192-REP11	90/90-14 M/C 52P SCT-011/TL	Lốp sau Air Blade, Vision	**460,000**
18	TYTL-M1163-REP11	90/80-14 M/C 43P NF66/TL	Lốp trước Air Blade 150, Vario	**440,000**
19	TYTL-M1164-REP11	100/80-14 M/C 48P NR83/TL	Lốp sau Air Blade 150, Vario	**560,000**
20	TYTL-M1175-REP11	80/80-14 M/C 43P NR82/TL	Lốp trước Janus	**405,000**
21	TYTL-M1176-REP11	100/70-14 M/C 51P NR82/TL	Lốp sau Janus	**515,000**
22	TYTL-M1179-REPNS(AIR)	100/80-16 M/C 50P SS-530FE/TL	Lốp trước SH nhập khẩu Thái Lan	**1,080,000**
23	TYTL-M1165-REPNS(AIR)	120/80-16 M/C 60P SS-530R/TL	Lốp sau SH nhập khẩu Thái Lan	**1,275,000**
24	TYTL-M1179-REP11	100/80-16 M/C 50P SS-530FE/TL	Lốp trước SH	**985,000**
25	TYTL-M1165-REP11	120/80-16 M/C 60P SS-530R/TL	Lốp sau SH	**1,160,000**
26	TYTL-M1080-REP11	90/90-14 M/C 46P SS-560F/TL	Lốp trước PCX	**460,000**
27	TYTL-M1083-REP11	80/90-16 M/C 43P SS-560F/TL	Lốp trước SH Mode	**390,000**
28	TYTL-M1064-REP11	100/90-14 M/C 57P SS-560RD/TL	Lốp sau SH Mode/ PCX	**605,000**
29	TYTL-M1133-REP11	90/80-17 M/C 46P NF67/TL	Lốp trước EXCITER 150	**515,000**
30	TYTL-M1079-REP11	70/90-17 M/C 38P NF67/TL	Lốp trước EXCITER 150	**475,000**
31	TYTL-M1076-REP11	120/70-17 M/C 58P NF67/TL	Lốp sau EXCITER 150	**1,005,000**
32	TYTL-M1113-REP11	90/80-17 M/C 46P NF66/TL	Lốp trước Winner 150	**520,000**
33	TYTL-M1114-REP11	120/70-17 M/C 58P NR83/TL	Lốp sau Winner 150	**1,005,000**
34	TYTL-M1118-REP11	110/80-14 M/C 53P SCT 005F/TL	Lốp trước NVX 155	**735,000**
35	TYTL-M1119-REP11	140/70-14 M/C 62P SCT 005R/TL	Lốp sau NVX 155	**1,050,000**
36	TYTL-M1142-REP11	100/90-12 59J NR82/TL	Lốp trước FreeGo	**500,000**
37	TYTL-M1143-REP11	110/90-12 64L NR83/TL	Lốp sau FreeGo	**580,000**
38	TYTL-M1097-REP11	90/90-12 44J MB520z/TL	URBAN MASTER — Dùng cho các loại xe sử dụng vành không săm cỡ 10" & 12"như: Lead, Nozza…	**400,000**
39	TYTL-M1098-REP11	100/90-10 56J MB520z/TL		**435,000**

TT *NO.*	MÃ SẢN PHẨM *CODE*	TÊN SẢN PHẨM *PRODUCTS*			GIÁ ĐẾN NTD (Đề xuất)
40	TYTL-M1099-REP11	80/90-15 M/C 47J SCT-002/TL	MOBICITY	Lốp trước LIBERTY	**630,000**
41	TYTL-M1100-REP11	100/80-14 M/C 54J SCT-002/TL		Lốp sau LIBERTY	**715,000**
42	TYTL-M1101-REP11	110/70-11 45L SCT-002/TL		Lốp trước VESPA LX; Primavera	**555,000**
43	TYTL-M1102-REP11	120/70-10 54L SCT-002/TL		Lốp sau VESPA LX; ZIP	**670,000**
44	TYTL-M1125-REP11	120/70-11 56L SCT-002/TL		Lốp sau Primavera	**570,000**
45	TYTL-M1126A-REP11	120/70-12 58P SCT-002/TL		Lốp trước GTS125, Fly	**550,000**
46	TYTL-M1156-REP11	120/70-12 58P SS-540/R/Z/TL		Lốp trước GTS125, Fly	**545,000**
47	TYTL-M1127-REP11	130/70-12 62P SCT-002/TL		Lốp trước GTS125, Fly	**690,000**
48	TYTL-M1146-REP11	110/70-12 47P SCT-002/TL		Lốp trước / Sau Grande	**610,000**
49	TYTL-M1130-REP11	100/80-14 M/C 48P SCT-006/TL	Lốp trước PCX		**595,000**
50	TYTL-M1131A-REP11	120/70-14 M/C 61P SCT-007/TL	Lốp sau PCX, Vario 160		**670,000**
51	TYTL-M1157-REP11	110/70-14 M/C 50P SCT-006/TL	Lốp trước PCX 2020		**655,000**
52	TYTL-M1158-REP11	130/70-13 M/C 63P SCT-007/TL	Lốp sau PCX 2020		**695,000**
II- LỐP XE MÁY CÓ SĂM (MOTORCYCLE TUBE TIRE)					
1	TYM-M1001-REP11	2.25-17 4PR 33L NF3	Lốp trước Dream		**195,000**
2	TYM-M1009-REP11	2.50-17 4PR 38L NR6	Lốp sau Dream		**230,000**
3	**TYM-M1010A-REP11**	**2.50-17 6PR 43L NR6**	**Lốp sau Dream (6PR)**		**250,000**
4	TYM-M1003-REP11	2.25-17 4PR 33L NF26	Lốp trước Wave		**210,000**
5	TYM-M1015-REP11	2.50-17 4PR 38L NR30	Lốp sau Wave		**250,000**
6	**TYM-M1015A-REP1A**	**2.50-17 6PR 43L NR30**	**Lốp sau Wave (6PR)**		**265,000**
7	TYM-M1017-REP11	2.50-17 4PR 38L NF47	Lốp trước Future		**260,000**
8	TYM-M1024-REP11	2.75-17 4PR 41P NR60	Lốp sau Future		**330,000**
9	TYM-M1208-REP11	70/90-17 M/C 43P NF82	Lốp trước xe sử dụng vành cỡ 17"		**320,000**
10	TYM-M1209-REP11	80/90-17 M/C 50P NR97	Lốp sau xe sử dụng vành cỡ 17"		**400,000**
11	TYM-M1185-REP11	70/100-17 M/C 46P NF82	Lốp trước xe sử dụng vành cỡ 17"		**320,000**
12	TYM-M1186-REP11	80/100-17 M/C 53P NR97	Lốp sau xe sử dụng vành cỡ 17"		**395,000**
13	TYM-M1053-REP11	70/90-17 M/C 38P NR69	Lốp trước Future II; Wave RSX…		**295,000**
14	TYM-M1043-REP11	70/100-17 M/C 40P NR69	Lốp trước Future II…		**300,000**
15	TYM-M1044-REP11	80/90-17 M/C 50P NR69	Lốp sau Future II; Wave RSX…		**370,000**
16	TYM-M1078-REP11	80/90-17 M/C 50P NR69D	Lốp sau Future II; Wave RSX…		**370,000**
17	TYM-M1182-REP11	70/90-17 M/C 38P SCT009	Lốp trước Future II; Wave RSX…		**290,000**
18	TYM-M1183-REP11	70/100-17 M/C 40P SCT009	Lốp trước Future II…		**290,000**
19	TYM-M1184-REP11	80/90-17 M/C 50P SCT009	Lốp sau Future II; Wave RSX…		**350,000**
20	TYM-M1193-REP11	70/90-17 M/C 43P SCT-011	Lốp trước xe sử dụng vành cỡ 17"		**280,000**
21	TYM-M1194-REP11	80/90-17 M/C 50P SCT-011	Lốp sau xe sử dụng vành cỡ 17"		**370,000**
22	TYM-M1033-REP11	70/90-17 M/C 38P NR53	Lốp trước Jupiter V		**305,000**
23	TYM-M1034-REP11	80/90-17 M/C 44P NR53	Lốp sau Jupiter V		**375,000**
24	TYM-M1046-REP11	80/90-14 M/C 40P NR73T/Z	Lốp trước Click; Air Bade		**330,000**
25	TYM-M1045-REP11	90/90-14 M/C 46P NR73T	Lốp sau Click; Air Bade		**380,000**
26	TYM-M1027-REP11	70/90-14 M/C 34P NF59	Lốp trước Mio/Luvias		**280,000**
27	TYM-M1028-REP11	80/90-14 M/C 40P NR76	Lốp sau Mio		**345,000**
28	TYM-M1041-REP11	70/90-17 M/C 38P NF63B	Lốp trước Exciter		**305,000**
29	TYM-M1042-REP11	80/90-17 M/C 44P NR78Y	Lốp sau Exciter		**380,000**
30	TYM-M1115-REP11	80/80-14 M/C 43P NR82	Lốp trước Janus		**345,000**
31	TYM-M1117-REP11	110/70-14 M/C 56P NR82	Lốp sau Janus		**445,000**
32	TYM-M1167-REP11	90/100-16 M/C 51P GP-22z	Lốp trước/sau PG1		**485,000**

TT *NO.*	MÃ SẢN PHẨM *CODE*	TÊN SẢN PHẨM *PRODUCTS*		GIÁ ĐẾN NTD (Đề xuất)
III- SĂM XE MÁY CAO SU BUTYL ĐẶC BIỆT KÍN KHÍ - KHÔNG LÓT VÀNH (SPECIAL AIR TIGHTNESS MOTORCYCLE BUTYL RUBBER TUBE - NO RIM TAPE)				
1	TUB-MC107-REP12NRT	70/90-17B (2.25/2.50-17B)	Săm cao su Butyl	**70,000**
2	TUB-MC108-REP12NRT	80/90-17B	Săm cao su Butyl	**70,000**
3	TUB-MC104-REP12NRT	2.75/3.00-17B	Săm cao su Butyl	**80,000**
4	TUB-MC105-REP12NRT	70/90-16B	Săm cao su Butyl	**80,000**
5	TUB-MC106-REP12NRT	80/90-16B	Săm cao su Butyl	**85,000**
6	TUB-MC122-REP12NRT	2.75/3.00-16B (90/100-16B)	Săm cao su Butyl	**90,000**
7	TUB-MC110-REP12NRT	80/90-14B	Săm cao su Butyl	**85,000**
8	TUB-MC111-REP12NRT	90/90-14B	Săm cao su Butyl	**90,000**

Ghi chú (Note): ***+ Giá bán trên đã bao gồm 8% thuế GTGT***

(The above prices are including 8% VAT)

+ Bảng Giá trên có thể thay đổi tuỳ theo tình hình sản xuất và kinh doanh của công ty.

(The above prices could be changed upon to business situation of the Company)